



Quy hoạch điện VIII gắn với sử dụng năng lượng tái tạo và phát triển kinh tế xanh

DƯ VĂN TOÁN, MAI KIÊN ĐỊNH

Viện Khoa học môi trường, biển và hải đảo,
Bộ Tài nguyên và Môi trường

Nhà nay, phát triển năng lượng xanh, còn gọi là năng lượng tái tạo hay năng lượng sạch đang dần chiếm vị trí quan trọng trong sự phát triển kinh tế bền vững ở các nước. Không nằm ngoài xu thế đó, Chính phủ Việt Nam cũng đã đưa ra nhiều chính sách, cam kết mạnh mẽ nhằm thúc đẩy việc sử dụng năng lượng sạch, lối sống xanh và phát triển một nền kinh tế xanh thân thiện với môi trường ở nước ta. Việt Nam đã có chủ trương phát triển năng lượng tái tạo từ sớm thông qua Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 [5]; Nghị quyết số 36-NQ/TW [3]; Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và mới nhất là Quy hoạch điện VIII thông qua Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 về việc “Phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” [6].

1. MÔ HÌNH KINH TẾ XANH VÀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Thuật ngữ kinh tế xanh [4] được sử dụng rộng rãi từ năm 2008 trong bối cảnh cuộc khủng hoảng tài chính và sự cần thiết “kích thích kinh tế xanh” với nhiều định nghĩa khác nhau. Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP, 10/2008) đã đưa ra “Sáng kiến kinh tế xanh”. Năm 2011, Báo cáo “Hướng tới nền kinh tế xanh: Con đường phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo” đưa ra định nghĩa về kinh tế xanh được các tổ chức quốc tế sử dụng rộng rãi, đó là “nền kinh tế xanh giúp cải thiện đời sống và công bằng xã hội, trong khi giảm đáng kể các rủi ro môi trường và khan hiếm nguồn lực sinh thái. Một nền kinh tế xanh có thể được coi là một nền kinh tế có lượng phát thải các bon thấp, sử dụng tài nguyên hiệu quả và bao trùm xã hội”. Ý nghĩa cốt lõi của kinh tế xanh là tăng trưởng kinh tế đảm bảo đồng thời hai mục tiêu là BVMT sống trong sạch và bền vững.

Ngân hàng Thế giới năm 2012 đưa ra định nghĩa kinh tế xanh là “phát triển kinh tế đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, trong đó giảm thiểu ô nhiễm và tác động đến môi trường, tăng cường khả năng phục hồi trước biến đổi tự nhiên, đẩy mạnh vai trò của quản lý nhà nước về môi trường và nguồn lực tự nhiên trong việc ngăn ngừa các thảm họa từ thiên nhiên”. Tháng 9/2015, Liên hợp quốc công bố Chương trình Nghị sự 2030, bao gồm 17 mục tiêu phát triển bền vững nhằm xóa đói giảm nghèo, giảm thiểu bất bình đẳng và bảo vệ hành tinh.

Hiện nay, kinh tế xanh được hiểu là sự kết hợp giữa 3 yếu tố: Kinh tế (xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng



▲ Nhà máy Điện gió Đông Hải I ở Trà Vinh

chăm sóc sức khỏe cộng đồng, phát triển năng lượng sạch, đáp ứng nhu cầu việc làm của người dân và thúc đẩy tăng trưởng...), môi trường (đảm bảo sản xuất và tiêu dùng bền vững, bảo tồn tài nguyên biển, bảo vệ, tái tạo và khuyến khích sử dụng bền vững các hệ sinh thái trên cạn...) và xã hội (nâng cao chất lượng giáo dục, thu hẹp khoảng cách bất bình đẳng giới và giảm thiểu bất bình đẳng xã hội...). Kinh tế xanh có tính chất bền vững, có nghĩa là những hoạt động trong nền kinh tế tạo ra lợi nhuận hoặc giá trị có ích lợi, hướng đến phát triển cuộc sống của cộng đồng xã hội con người; đồng thời, những hoạt động này thân thiện với môi trường. 3 yếu tố này được cân bằng sẽ thỏa mãn tính bền vững. Kinh tế xanh là một nền kinh tế cần thiết bởi nó tạo ra việc làm, bảo đảm tăng trưởng kinh tế bền vững và ngăn chặn ô nhiễm môi trường, nóng lên toàn cầu, cạn kiệt nguồn tài nguyên và suy thoái môi trường.

Trong nền kinh tế xanh, tài nguyên môi trường là yếu tố quan trọng mang tính chất quyết định đến sự phát triển kinh tế, cải thiện chuỗi giá trị, đem lại sự ổn định và thịnh vượng lâu dài. BVMT, quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu được xem là vấn đề then chốt của kinh tế xanh. Nhà nước và khu vực tư nhân tập trung ưu tiên đầu tư vào các hoạt động kinh tế, cơ sở hạ tầng, công trình có tác dụng đảm bảo mục tiêu giảm thiểu ô nhiễm và phát thải các bon; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng; ngăn ngừa mất đa dạng sinh học và các dịch vụ của hệ sinh thái.

Năng lượng tái tạo hay năng lượng tái sinh là năng lượng từ những nguồn liên tục mà theo chuẩn mực của con người là vô hạn như năng lượng mặt trời, gió, mưa, thủy triều, sóng và địa nhiệt. Nguyên tắc cơ bản của việc sử dụng năng lượng tái sinh là tách một phần năng lượng từ các quy trình diễn biến liên tục trong môi trường và đưa vào trong các sử dụng kỹ thuật. Năng lượng tái tạo thay thế các nguồn nhiên liệu truyền thống trong 4 lĩnh vực gồm:



Phát điện, đun nước nóng, nhiên liệu động cơ, hệ thống điện độc lập nông thôn [7].

Việt Nam đã có chủ trương phát triển năng lượng tái tạo từ sớm thông qua Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 về việc phê duyệt “Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” định hướng phát triển nguồn điện gió đến 1% vào năm 2020, khoảng 2,7% vào năm 2030 và khoảng 5% vào năm 2050; định hướng phát triển nguồn năng lượng mặt trời đến 0,5% vào năm 2020, khoảng 6% vào năm 2030 và khoảng 30% vào năm 2050. Ngày 22/10/2018, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 36-NQ/TW). Trong Nghị quyết nêu một số chủ trương lớn về phát triển kinh tế biển và ven biển trong đó có chủ trương về phát triển năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới: Thúc đẩy đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác. Phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo, tiến tới làm chủ một số công nghệ, thiết kế, chế tạo và sản xuất thiết bị; ưu tiên đầu tư phát triển năng lượng tái tạo trên các đảo phục vụ sản xuất, sinh hoạt, bảo đảm quốc phòng, an ninh [3]...

Đối với Việt Nam, năng lượng sạch đang trở thành một nhân tố mới, công tác quy hoạch chính sách năng lượng tái tạo đã trở thành một vấn đề đòi hỏi sự tham mưu, phối hợp chặt chẽ giữa nhiều Bộ, ban, ngành, đồng thời đảm bảo tích hợp được các ưu tiên và lợi ích của cơ quan quản lý kinh tế vĩ mô, thu hút đầu tư nước ngoài... Hoạch định được một lộ trình phát triển năng lượng sạch đúng đắn sẽ giúp Việt Nam củng cố được vai trò then chốt của mình trong chuỗi cung ứng toàn cầu trong nhiều thập kỷ tới. Việc phát triển nền kinh tế xanh gắn liền với năng lượng tái tạo được thể hiện tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thực hiện Luật BVMT đã có nội dung: “Giảm khai thác, sử dụng tài nguyên không tái tạo, tài nguyên nước; tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên, nguyên liệu thô, vật liệu; tiết kiệm năng lượng” và tại khoản 3 Mục b điều này đã nêu nội dung các chủ dự án: “Phát triển, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo theo quy định của pháp luật” [2].

2. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRONG QUY HOẠCH ĐIỆN VIII

Ngày 15/5/2023, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 500/QĐ-TTg về việc “Phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” [6]. Nguồn năng lượng tái tạo được ưu tiên phát triển mạnh trong giai đoạn tới, có thể lên tới 70% vào năm 2050, giúp Quy hoạch điện VIII trở thành Quy hoạch năng lượng/điện xanh phục vụ phát triển một nền kinh tế xanh và giảm mạnh phụ thuộc vào nhiên liệu nhập khẩu nước ngoài, tăng cường đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Với mục tiêu bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, Quy hoạch điện VIII nhằm đảm bảo cung cấp đủ nhu cầu điện, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng khoảng 7%/năm giai đoạn 2021 - 2030, khoảng 6,5 - 7,5%/năm trong giai đoạn 2031 - 2050. Trong đó, Quy hoạch điện VIII ưu tiên phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo phục vụ sản xuất điện. Nguồn điện này sẽ đạt tỷ lệ khoảng 30,9 - 39,2% vào năm 2030. Mục tiêu là hướng tới đạt tỷ lệ năng lượng tái tạo 47% theo cam kết về chuyển đổi năng lượng công bằng với Việt Nam (JETP). Định hướng đến năm 2050, tỷ lệ năng lượng tái tạo lên đến 67,5 - 71,5%. Bên cạnh đó, Việt Nam phấn đấu đến năm 2030 có 50% các tòa nhà công sở và 50% nhà dân sử dụng điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu (phục vụ tiêu thụ tại chỗ, không bán điện vào hệ thống điện quốc gia). Việc định hướng phát triển nguồn năng lượng tái tạo nhằm giúp kiểm soát mức phát thải khí nhà kính từ sản xuất điện đạt khoảng 204 - 254 triệu tấn năm 2030 và còn khoảng 27 - 31 triệu tấn vào năm 2050. Kết quả này nhằm hướng tới đạt mức phát thải đỉnh không quá 170 triệu tấn vào năm 2030 với điều kiện các cam kết theo JETP.

Về định hướng phát triển hệ sinh thái công nghiệp và dịch vụ về năng lượng tái tạo: (1) Dự kiến đến năm 2030, hình thành 2 trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng tại các khu vực có nhiều tiềm năng như Bắc bộ, Nam Trung bộ, Nam bộ khi có điều kiện; (2) Trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng dự kiến bao gồm các nhà máy điện năng lượng tái tạo công suất 2.000 - 4.000 MW (chủ yếu là điện gió ngoài khơi); nhà máy sản xuất thiết bị năng lượng tái tạo, thiết bị sản xuất năng lượng mới; thiết bị và phương tiện vận chuyển, xây dựng, lắp đặt thiết bị năng lượng tái tạo; các dịch vụ phụ trợ; khu công nghiệp xanh, phát thải các bon thấp; trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo về năng lượng tái tạo.

3. ĐỀ XUẤT PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH GẮN VỚI NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRONG QUY HOẠCH ĐIỆN VIII

Thứ nhất, hoàn thiện khung chính sách, pháp luật về phát triển điện lực, phát triển năng lượng tái tạo (bao gồm cả điện mặt trời mái nhà, điện mặt trời tự sản, tự tiêu), sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả và các quy định khác có liên quan trong đó có nghiên cứu, xây dựng và ban hành Luật về năng lượng tái tạo Việt Nam.

Thứ hai, thực hiện chuyển dịch năng lượng, trong đó trọng tâm là chuyển đổi từ nhiên liệu hóa thạch sang năng lượng tái tạo và năng lượng mới; tăng quy mô bể hấp thụ và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thu giữ các bon.

Thứ ba, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ xử lý chất thải, đặc biệt là từ công nghiệp năng lượng tái tạo theo nguyên tắc giảm thiểu, thu hồi, tái sử dụng, tái chế để giảm tối đa lượng chất thải, tận dụng vật liệu thải bỏ làm nguyên liệu cho các ngành kinh tế khác.



Thứ tư, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển về điện lực. Hình thành các trung tâm nghiên cứu cơ bản và trung tâm phát triển về năng lượng tái tạo, năng lượng mới, công nghệ lưu trữ các bon tại Việt Nam để nâng cao trình độ, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ, quản trị nhằm đẩy nhanh và mở rộng quy mô triển khai năng lượng tái tạo và quản lý hệ thống điện xanh, sạch tại Việt Nam và khu vực.

Thứ năm, tập trung phát triển ngành công nghiệp chế tạo thiết bị năng lượng tái tạo, thiết bị lưu trữ điện năng, công nghệ thu hồi, hấp thụ, lưu trữ và sử dụng các bon... trong nước để chủ động khai thác tiềm năng sẵn có của nước ta, tăng tính độc lập tự chủ, giảm giá thành sản xuất điện từ năng lượng tái tạo■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ellen MacArthur Foundation and McKinsey Center for Business and Environment (2015). *Growth Within: A Circular Economy Vision for a Competitive Europe*.
2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/1/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT.
3. Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.
4. Nguyễn Tuấn Phong, 2021, *Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025. Tạp chí Kinh tế tài chính*, 4/2021.
5. Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 về việc phê duyệt “Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”.
6. Quyết định số 500/QĐ-TTg về việc “Phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”.
7. <https://vi.wikipedia.org/>.

Kinh nghiệm và giải pháp về thực hiện kinh tế tuần hoàn khu vực đô thị

PGS.TS. NGUYỄN CÔNG THÀNH
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Theo các nhà nghiên cứu, hiện nay đã có sự đồng thuận về học thuật và chính sách cho rằng các thành phố là điểm kết nối của quá trình chuyển đổi bền vững. Các áp lực giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội và môi trường phát sinh từ xu hướng đô thị hóa nhanh đã và đang tạo động lực để các quyết tâm thực hiện chuyển đổi hướng tới một tương lai bền vững hơn. Một trong các cách tiếp cận hướng tới đô thị bền vững rất được quan tâm gần đây chính là mô hình kinh tế tuần hoàn (KTTH). Dựa trên việc rà soát các tài liệu và kinh nghiệm quốc tế, bài viết này trình bày các thảo luận về khái niệm đô thị tuần hoàn, các thách thức cũng với các giải pháp hành động nhằm chuyển đổi phát triển một đô thị tuần hoàn.

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ KTTH Ở CẤP ĐỘ ĐÔ THỊ

1.1. Sự cần thiết thực hiện KTTH ở đô thị

Trên phạm vi toàn cầu, dân số đô thị chiếm hơn 50% và dự báo đến năm 2050, tỷ lệ này có thể vượt qua 70%, mặc dù các khu vực đô thị chỉ chiếm 2% diện tích (Lucertini và Musco, 2022). Quá trình đô thị hóa và gia tăng dân số nhanh chóng trong vài thập kỷ qua đã và đang tạo ra áp lực lớn đối với môi trường thiên nhiên. Các thành phố tiêu thụ khoảng 70% tài nguyên và năng lượng được sản xuất, đồng thời, chúng tạo ra khoảng 70% tổng lượng khí nhà kính và chất thải trên phạm vi toàn cầu. Khi điều kiện chất lượng môi trường bị suy giảm, chính các thành phố lại là đối tượng dễ bị tổn thương. Ngoài ra, các thành phố cũng đang phải đối mặt với nhiều vấn đề kinh tế - xã hội khác, chẳng hạn như thất nghiệp,

nghèo đói, gia tăng bất bình đẳng và phân tầng xã hội (Papageorgiou và cộng sự 2021). Xu hướng đô thị hóa tiếp tục tiếp diễn dự đoán sẽ làm tăng tính cấp bách phải giải quyết các vấn đề tồn tại của khu vực đô thị.

Với nguồn lực con người và sức mạnh kinh tế, các thành phố có khả năng, năng lực và quyết tâm thực hiện sự chuyển đổi cần thiết hướng tới một tương lai bền vững hơn. Các thành phố có động lực để tự thiết kế lại và áp dụng những cách thức mới để đạt được hiệu quả bền vững phục vụ cho chính người dân của thành phố. Một trong các cách tiếp cận được quan tâm là mô hình KTTH. Quá trình chuyển đổi sang mô hình KTTH được cho là sẽ đóng góp đồng thời cho một số mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals - SDGs), như SDG 12 - mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững, SDG 6 - nguồn nước, SDG 7- năng lượng, SDG 8 - tăng trưởng kinh tế, SDG 11 - các thành phố bền vững và SDG 13 - biến đổi khí hậu. Một minh chứng thực tiễn là Chương trình phát triển các thành phố châu Âu xác định 12 ưu tiên chính, một trong số đó là cách tiếp cận KTTH (Ủy ban châu Âu, 2020).

2.2. Khái niệm KTTH và thành phố tuần hoàn

Mặc dù KTTH thu hút được sự quan tâm gần đây, nhưng KTTH không phải là khái niệm mới. Mối quan tâm đối với KTTH có thể đã phát triển từ 1990, khi mà Pearce và Turner (1990) đã sử dụng lần đầu thuật ngữ này để mô tả một mô hình kinh tế mà trong đó dòng vật chất chuyển hóa từ hình thái này sang hình thái khác mà không tự sinh ra cũng như không tự mất đi (Momete, 2020).